

Số : 3927/QĐ-UBND

Thái Thụy, ngày 15 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện khoá XIV- Kỳ họp thứ Năm về việc phê duyệt dự toán ngân sách năm 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Thái Thụy 9 tháng đầu năm 2018, theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục trưởng Chi cục thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :

- Sở Tài chính;
- TT Huyện uỷ, HĐND;
- CT, các phó CT UBND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Như điều 3;
- Lưu VP, TC-KH. *g*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**



Phan Đình Dục

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY**

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2018

(Kèm theo Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND huyện)

1. Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách:

Tổng thu Ngân sách nhà nước (NSNN) 9 tháng thực hiện 923,77 tỷ đồng bằng 90,1% dự toán giao và tăng 10,6% so với cùng kỳ. Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP) 9 tháng thực hiện 830,13 tỷ đồng bằng 86,16% dự toán năm (loại trừ thu chuyển nguồn, ghi thu, ghi chi đạt 75% dự toán năm). Trong đó ngân sách huyện 507,69 tỷ đồng đạt 74,3% dự toán năm, ngân sách xã 322,44 tỷ đồng, đạt 115,2% dự toán năm. Một số chỉ tiêu thu thực hiện như sau:

- Thu tại địa bàn 9 tháng thực hiện 270,65 tỷ đồng đạt 78,2% dự toán năm, giảm 3,2% so với cùng kỳ. Trong đó ngân sách huyện thực hiện 125,3 tỷ đồng đạt 67,7% dự toán, ngân sách cấp xã thực hiện 51,68 tỷ đồng, đạt 51,89% dự toán:

+ Thuế ngoài quốc doanh 9 tháng thực hiện 154,3 tỷ đồng (NS cấp huyện 71,65 tỷ đồng, NS cấp xã 8,4 tỷ đồng) đạt 88,28% dự toán năm, tăng 87,51% so cùng kỳ 2017 (Phần Cục thuế thu 54,5 tỷ đồng trên dự toán tỉnh giao 64,5 tỷ đồng, đạt 84,5% DT; Chi cục thuế thu 99,78 tỷ đồng trên dự toán tỉnh giao 110,3 tỷ đồng, đạt 90,48% DT năm).

+ Lệ phí trước bạ 9 tháng thực hiện 20,77 tỷ đồng, bằng 81,44% dự toán năm, tăng 44,76% so cùng kỳ 2017.

+ Thu phí và lệ phí 9 tháng thực hiện 16,62 tỷ đồng, bằng 109,35% dự toán năm, tăng 5,48% so cùng kỳ.

+ Thuế thu nhập 9 tháng thực hiện 21,44 tỷ đồng, bằng 376,14% dự toán năm, tăng 47,49% so cùng kỳ.

+ Thu xổ số kiến thiết 9 tháng thực hiện 1,84 tỷ đồng, bằng 69,4% dự toán năm, tăng 8,5% so với cùng kỳ.

+ Thu cấp quyền sử dụng đất 9 tháng thực hiện 29,9 tỷ đồng, đạt 27,2% dự toán năm (Trong đó cấp huyện thực hiện 4,57 tỷ đồng, NS cấp xã thực hiện 23,8 tỷ đồng).

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 9 tháng thực hiện 545,18 tỷ đồng đạt 85,09% dự toán năm. Trong đó bổ sung cân đối 376,8 tỷ đồng đạt 75% dự toán năm; bổ sung có mục tiêu trong dự toán 88,7 tỷ đồng đạt 63,7% dự toán, bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán 80,676 tỷ đồng (trong đó ghi thu bổ sung xi măng 57,45 tỷ đồng).

- Thu chuyển nguồn ngân sách 78,84 tỷ đồng (ngân sách cấp huyện 49,978 tỷ đồng; NS cấp xã 28,862 tỷ đồng. ✓

2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách địa phương 9 tháng thực hiện 741,543 tỷ đồng đạt 77% dự toán năm, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm 2017 (NS cấp huyện 462,8 tỷ đồng đạt 67,7% dự toán năm; NS cấp xã 278,4 tỷ đồng đạt 99,5% dự toán năm) Trong đó:

- Chi phát triển kinh tế 9 tháng thực hiện 178,3 tỷ đồng đạt 67,3% dự toán năm, tăng 45,1% so với cùng kỳ 2017 (NS cấp huyện 64,8 tỷ đồng; ngân sách cấp xã 113,5 tỷ đồng).

- Chi tiêu dùng thường xuyên 9 tháng thực hiện 522,5 tỷ đồng đạt 75,7% dự toán năm, tăng 1,3% so với cùng kỳ 2017.

* Chi tạm ứng ngân sách: 12,2 tỷ đồng, Trong đó: ngân sách cấp huyện chi GPMB hạ tầng Đồng Miếu 3,5 tỷ đồng, chi GPMB bến xe khách phía Nam huyện và chi GPMB xử lý tiềm ẩn cầu Cống Thóc là 4,1 tỷ đồng; Tạm ứng ngân sách xã Mỹ Lộc 1 tỷ đồng).

3. Sử dụng dự phòng ngân sách cấp huyện:

UBND huyện đã sử dụng dự phòng ngân sách cấp huyện cho một số nhiệm vụ phát sinh là 4,462 tỷ đồng (Dự toán tỉnh giao 4,862 tỷ đồng), bằng 100% dự toán năm; Trong đó chi hỗ trợ công tác tăng cường quản lý và ngăn ngừa pháo nổ là 1.209 triệu đồng, Bổ sung kinh phí cho Hội LHPN huyện triển khai Đề án Trung ương 70 triệu đồng, Bổ sung kinh phí quà tặng công dân nhập ngũ 237 triệu đồng, Quà đối tượng chính sách nhân dịp tết Mậu tuất 1.847 triệu đồng, Diễn tập phòng thủ huyện 1.000 triệu đồng, Đảm bảo an ninh trật tự đột xuất 164 triệu đồng; Các hoạt động kỷ niệm 71 năm ngày TBLS 96 triệu đồng; Phòng chống dịch lùn sọc đen hại lúa mùa 239 triệu đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.025.006	923.767	90,1	110,6
I	Thu NSNN trên địa bàn	346.150	270.646	78,2	96,8
1	Thu nội địa	346.150	270.646	78,2	96,8
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	36.932	78.840		143,4
III	Thu trợ cấp ngân sách tỉnh	641.924	546.182	85,1	118,4
IV	Thu kết dư ngân sách				
V	Các khoản ghi thu trên địa bàn		28.099		71,1
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	963.456	741.543	77,0	106,9
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	963.456	701.225	72,8	109,8
1	Chi đầu tư phát triển	265.669	178.726	67,3	145,1
2	Chi thường xuyên	690.275	522.499	75,7	101,3
3	Dự phòng ngân sách	7.512			
II	Chi chương trình mục tiêu quốc gia				
III	Các khoản ghi chi trên địa bàn		28.099		71,1
IV	Chi tạm ứng ngân sách		12.219		79,0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY**

Biểu số 94/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	346.150	270.646	78,19	96,83
I	Thu nội địa	346.150	270.646	78,19	96,83
1	Thu từ khu vực DNNN		209		171,76
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	174.800	154.316	88,28	187,51
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.700	21.440	376,14	147,49
5	Thuế bảo vệ môi trường		-		-
6	Lệ phí trước bạ	25.500	20.767	81,44	144,76
7	Thu phí, lệ phí	15.200	16.621	109,35	105,48
8	Các khoản thu về nhà đất	114.000	42.343	37,14	37,14
-	Thuế sử dụng đất phi n.nghiệp	400	578		
-	Thu tiền sử dụng đất	110.000	29.923		
-	Tiền cho thuê đất, mặt nước	3.600	2.589		
-	Thu đền bù khi NN thu hồi đất		9.253		
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	2.650	1.836	69,27	
10	Thu khác ngân sách	3.500	5.453	155,79	48,60
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.800	752	26,87	147,47
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	2.000	6.910		
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	284.600	177.006	62,19	79,96
1	Từ các khoản thu phân chia	130.600	92.772	71,04	119,20
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	154.000	84.233	54,70	58,69

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY**

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 392~~7~~/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND huyện)

DVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	963.456	741.543	76,97	106,88
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	963.456	701.225	72,78	109,77
I	Chi đầu tư phát triển	205.755	139.084	67,60	149,20
1	Chi đầu tư cho các dự án	205.755	138.684	67,40	148,77
2	Chi đầu tư phát triển khác		400		
II	Chi thường xuyên	750.189	562.142	74,93	103,03
1	Chi an ninh quốc phòng	17.386	22.487	129,34	123,67
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	353.815	255.035	72,08	100,81
3	Chi SN y tế, dân số KHHGD	51.173	37.505	73,29	167,53
4	Chi sự nghiệp KHCN				
5	Chi sự nghiệp VH TT và DL	4.003	2.927	73,11	81,81
6	Chi sự nghiệp phát thanh TH	2.785	2.195	78,83	91,35
7	Chi đảm bảo xã hội	103.713	88.752	85,57	86,16
8	Chi sự nghiệp kinh tế	43.918	33.123	75,42	125,35
-	SN nông nghiệp + MTNN khác	5.132	12.775		
-	Sự nghiệp thủy lợi	1.054	553		
-	Sự nghiệp giao thông	4.725	1.856		
-	Vốn khuyến công, khuyến thương	400			
-	Sự nghiệp kinh tế khác	5.221	752		
-	Cho hỗ trợ cấp bù thủy lợi phí	27.386	17.188		
9	Chi sự nghiệp môi trường	4.264	4.654	109,14	161,55
10	Chi quy hoạch kiểm kê đất đai cấp GCN quyền SD đất	10.400	1.866	17,94	270,39
11	Chi quản lý hành chính	155.989	113.307	72,64	101,10
12	Chi khác ngân sách	2.743	291	10,61	28,93
III	Dự phòng ngân sách	7.512			
B	CHI TẠM ỨNG NGÂN SÁCH		12.219		78,98
C	CÁC KHOẢN GHI CHI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN		28.099		71,07